TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2025/HS-PT
Ngày: 20-6-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Thọ.
Các Thẩm phán: Ông Lê Khắc Thịnh.
Ông Phạm Minh Tùng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Minh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Minh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 109/2025/TLPT-HS ngày 16 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo Nguyễn Văn S. Do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Văn S đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 39/2025/HS-ST ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

- *Bị cáo có kháng cáo:* Nguyễn Văn S, sinh năm 1982, tại Đồng Tháp; Nơi thường trú: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp; Nơi ở: Ấp C, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N và bà Võ Thị D; Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ 03 trong gia đình; vợ tên: Nguyễn Thị Bảo C, sinh năm 1990 (đã ly hôn); bị cáo có 02 người con cùng sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bị Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang xử phạt 12 tháng tù về Tội giả mạo chức vụ, cấp bậc theo Bản án số 23/2003/HSST ngày 23-10-2003. Trong thời gian bị tạm giam về Tội giả mạo chức vụ, cấp bậc, ngày 06-9-2003, tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội trốn khỏi nơi giam; bị Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xử phạt 03 năm tù theo Bản án số 64/2004/HSST ngày 12-4-2004. Tổng hợp hình phạt của 02 Bản án là 04 năm tù. Chấp hành xong hình phạt ngày 02-02-2007; tạm giữ: Không; tạm giam: Từ ngày 28/10/2024; Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Đ (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Trong vụ án còn có bị hại không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối tháng 9 năm 2020, Nguyễn Văn S biết vợ chồng ông Trần Văn H, Nguyễn Thị Ngọc V có nhu cầu mua đất. Do làm ăn thua lỗ và nợ nần chồng chất, S nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Mặc dù biết rõ Nguyễn Thị Ngọc H1, là em họ, không có ý định bán đất, S vẫn thông tin gian dối với ông H rằng, H1 đang cần bán thửa đất ruộng khoảng 3.000m² tại ấp A, xã T, huyện T, với giá 310.500.000 đồng.

Tin lời S, ông H cùng vợ là bà Nguyễn Thị Ngọc V đi theo Sen xem đất. Sau khi xem đất, S đưa họ về nhà riêng (ấp A, xã T) và thúc giục đặt cọc, nói rằng nếu không mua ngay sẽ có người khác mua. Bà V yêu cầu S cung cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì mới đặt cọc. S nói dối rằng đất có sổ đỏ nhưng H1 đang ở thành phố Hồ Chí Minh, khoảng 10 ngày nữa sẽ về làm thủ tục sang tên. Ông H tin tưởng và đồng ý đặt cọc 60.000.000 đồng. Sen tự viết giấy biên nhận và giao cho ông H.

Khoảng 10 ngày sau, S đến nhà ông H (khóm D, thị trấn M) và tiếp tục nói dối rằng, H1 bận chăm sóc mẹ bệnh ở thành phố Hồ Chí Minh nên ủy quyền cho S viết hợp đồng mua bán đất và nhận tiền cọc. Ông H tin tưởng và soạn hợp đồng mua bán đất, để trống thông tin bên bán, người làm chứng và số tiền cọc. Sen tự điền thông tin vào hợp đồng, nhưng ghi sai họ tên của H1 thành "Trương Ngọc H2". Ông H tiếp tục đưa cho S 60.000.000 đồng. Sen viết biên nhận, ghi đã nhận tổng cộng 120.000.000 đồng. Ông H xé bỏ biên nhận đặt cọc lần đầu.

Khoảng 10 ngày sau sau đó, ông H giao thêm 180.000.000 đồng cho S. Sen viết vào biên nhận ngày 05-10-2020, xác nhận đã nhận 290.000.000 đồng. S không ghi 10.000.000 đồng vào biên nhận và nói rằng đã ghi trong hợp đồng mua bán đất.

Đến tháng 12-2020, ông H liên hệ S để làm thủ tục sang tên thì S nói dối rằng sổ đỏ có sai sót cần chỉnh sửa. Đến tháng 01-2021, ông H phát hiện đất đã có người khác canh tác. S nói rằng người đó là H2 và hứa hết mùa vụ sẽ sang tên.

Ngày 25-02-2021, ông H gặp H2 và được xác nhận rằng chị không hề nhờ S bán đất. Biết mình bị lừa, ông H tìm S nhưng không được do S đã bỏ trốn.

Đến ngày 24-8-2024, ông H phát hiện S ở TP . và trình báo sự việc với Công an. Sau đó, vụ án được khởi tố và xử lý.

Về vật chứng thu giữ: Quá trình điều tra, bị hại Trần Văn H tự nguyện giao nộp:

- 01 bản gốc "Tờ Hợp Đồng Mua Bán Đất" được viết trên giấy tập 4 ô ly, chữ viết bằng mực màu xanh, tại trang 3 ở phía dưới dòng nội dung "Tân Kiều, 05-10-2020" có 01 chữ ký, chữ viết ghi họ tên "Nguyễn Văn S" bằng mực màu xanh.

- 01 bản gốc "BIÊN NHẬN" được viết trên giấy tập 5 ô ly, được ép nhựa trong suốt, có chữ viết bằng mực màu tím và màu xanh, tại trang 2 ở phía dưới dòng chữ nội dung "Ấp A, ngày 05-10-2020 Người nhận Thay" bằng mực màu tím, có 01 chữ ký, chữ viết ghi họ tên Nguyễn Văn S bằng mực màu tím; ở dưới dòng chữ nội dung "120.000.000 đồng" được viết bằng mực màu xanh có 01 chữ ký, chữ viết ghi họ tên "Nguyễn Văn S" bằng mực màu xanh và tại trang 3 dưới dòng nội dung "170.000.000 đồng" được viết bằng mực màu xanh có 01 chữ ký, chữ viết ghi họ tên "Nguyễn Văn S" bằng mực màu xanh.

Về kết quả trưng cầu giám định:

Tại kết luận giám định số: 1601/KL-KTHS, ngày 19-11-2024 của Phòng K Công an tỉnh Đ, kết luận: Chữ ký, chữ viết trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, chữ viết "Trương Ngọc H2, SN 1985", chữ viết "Ấp A, xã T, T, Đồng Tháp", chữ viết "Nguyễn Văn S, SN 1982, CMND số 34105587, cấp ngày 25/09/2007" lần lượt ở các dòng 14, 16, 17, 20, 21, 22 trên trang 1, chữ viết "300.000.000 (Ba trăm triệu đồng chẵn)" ở dòng 5, 6 trên trang 2, chữ viết "Tân Kiều 05-10-2020" và chữ ký, viết họ tên "Nguyễn Văn S" ở dòng 1, 2, 3 trên trang 3 tài liệu cần giám định ký hiệu A2 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn S trên các tài liệu mẫu ký hiệu M1, M2 là do cùng một người ký, viết ra.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và phía bị hại thống nhất bồi thường thiệt hại số tiền 300.000.000 đồng nhưng chưa bồi thường.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 39/2025/HS-ST ngày 10/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười đã quyết định:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/10/2024.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, bị cáo Nguyễn Văn S có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên kháng cáo.

Tại phiên toà phúc thẩm, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm: Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Sen bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Nguyễn Văn S có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết gì mới ngoài các tình tiết mà cấp sơ thẩm đã xem xét cho bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử

không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

Trong phần tranh luận, các bị cáo không tranh luận. Lời nói sau cùng, bị cáo Nguyễn Văn S xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn S đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định:

Nguyễn Văn S biết vợ chồng ông Trần Văn H, Nguyễn Thị Ngọc V có nhu cầu mua đất. Do làm ăn thua lỗ và nợ nần chồng chất, S nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Mặc dù biết rõ Nguyễn Thị Ngọc H1, là em họ, không có ý định bán đất, S vẫn thông tin gian dối với ông H rằng, H1 đang cần bán thửa đất ruộng khoảng 3.000m² tại ấp A, xã T, huyện T. Qua đó, thì S đã 03 lần nhận và chiếm đoạt của bị hại tổng số tiền là 300.000.000 đồng nên đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[2] Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn S là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản thuộc sở hữu của người khác một cách trái pháp luật. Hành vi đó đã gây xôn xao dư luận, gây hoang mang trong dư luận quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ sức khỏe để lao động chân chính tạo ra thu nhập nuôi sống bản thân. Chỉ vì muốn có tiền tiêu xài mà không cần phải lao động vất vả nên bị cáo đã có hành vi gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật, tổng số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại là 300.000.000 đồng. Khi thực hiện hành vi, bị cáo thừa biết hành vi của mình là trái pháp luật và sẽ bị pháp luật trừng trị nhưng bị cáo vẫn thực hiện. Chứng tỏ hành vi của các bị cáo là cố ý và tội phạm đã hoàn thành.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Văn S về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Sau khi án sơ thẩm tuyên, bị cáo Nguyễn Văn S kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được tình tiết gì mới ngoài các tình tiết mà cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo. Xét mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, đã có cân nhắc, xem xét nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn S,

giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn S.

[4] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với bị cáo Nguyễn Văn S về tội danh, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt là hoàn toàn phù hợp nên chấp nhận.

[5] Do kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn S không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo luật định.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn S. Giữ nguyên phần quyết định của bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn S.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn S phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn S 08 (tám) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/10/2024.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 21, khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Văn S phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC (Vụ GĐKT 1);
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện Tháp Mười (2);
- VKSND huyện Tháp Mười;
- Chi cục THADS huyện Tháp Mười;
- CQTHAHS Công an Tỉnh;
- CQCSĐT Công an Tỉnh;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ CAT;
- Phòng TTKT-THA Tòa án Tỉnh;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu: VT, HSVA (5) (Châu).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phú Thọ